**Biểu mẫu 17**

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022 - 2023**

**Ngành: Tiếng Trung. Hệ: Chính quy**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | | | |
|  |  | Đại học | | | Đại học chính quy | Trung cấp chính quy |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |  |  |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Tốt nghiệp PTTH và tương đương.  - Phạm vi tuyển sinh: Trên cả nước |  |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***1. Kiến thức***  - Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.  - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.  - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.  - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.  - Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.  ***2. Kỹ năng***  ***2.1. Kỹ năng cứng:***  *+ Tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục*  *+ Xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh*  *+ Tổ chức, triển khai kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh*  *+ Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học và giáo dục học sinh.*  *+Tự phát triển chuyên môn, nghề nghiệp*  *+ Vận dụng tri thức lý luận về nghiên cứu khoa học để thực hiện các đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học.*  + *Đánh giá bối cảnh xã hội, tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn*  ***2.2. Kỹ năng mềm***  *\* Kỹ năng cá nhân:*  + Có kỹ năng tự học và học tập suốt đời.  + Có kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin.  *\*Làm việc nhóm*  Có kỹ năng thành lập nhóm, xây dựng, triển khai kế hoạch làm việc nhóm, có khả năng thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.  *\* Kỹ năng quản lý, lãnh đạo:*  Có kỹ năng ra những quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong trường, lớp mà mình phụ trách.  *\* Kỹ năng hoạt động xã hội:*  Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu của nghề nghiệp .  *\* Kỹ năng giao tiếp:*  Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp trực tiếp giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.  *\* Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:*  + Có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt trình B1 (tương đương bậc 3 trong thang 6 bậc của Việt Nam).  + Có kỹ năng tin học văn phòng cơ bản phù hợp với công việc chuyên môn. |  |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Được xét cấp học bổng khuyến khích học tập dựa theo kết quả học tập từng học kỳ. Những sinh viên con liệt sỹ, thương bệnh binh được trợ cấp xã hội theo quy định. Những sinh viên học tập giỏi, xuất sắc rèn luyện tốt còn được xét cấp các học bổng tài năng, học bổng vượt khó mà các đoàn thể tổ chức xã hội, cá nhân hỗ trợ.  Mỗi lớp sinh hoạt của sinh viên có một cố vấn học tập, làm nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt.  Phòng Đào tạo và Giáo vụ khoa hỗ trợ, tư vấn cho người học về các vấn đề học vụ.  Dịch vụ dành cho người học đa dạng và hầu hết đều có thể thực hiện qua online như: xem thông báo, đăng ký học phần, tra cứu điểm thi, Nộp tiền học phí,…  - Trường, Khoa và Bộ môn thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề, để tạo điều kiện cho người học tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia rèn tập dượt các hoạt động Seminar khoa học.  - Tổ chức kiến tập, thực tập nghề theo định kỳ.  - Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trường tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ học tập nghiên cứu nghiên cứu khoa học, có các câu lạc bộ: CLB Sinh viên Nghiên cứu khoa học, CLB Tiếng Trung,… các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên. Trung tâm quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên hỗ trợ các hoạt động thực thực hành thực tập và giới thiệu việc làm cho sinh viên |  |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Mã ngành Tiếng Trung. Hệ: Đại học  - Số lượng môn học, mô đun: 46  - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 135 tín chỉ  - Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 27 tín chỉ  - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 108 tín chỉ  - Thời gian khóa học: 4 năm |  |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Người học có thể tham gia học tập ở nước ngoài hoặc các chương trình liên kết với các trường đối tác nước ngoài có sử dụng tiếng Trung với các chuyên ngành như kinh tế, văn hoá, thương mại, du lịch,...  Người học có thể tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để trở thành các nhà ngôn ngữ học, hoặc có thể học nâng cao trình độ sau đại học.  Sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy ngoại ngữ. |  |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làmsau khi tốt nghiệp |  |  | Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân cao đẳng ngành Tiếng Trung có khả năng:  - Đảm nhận công việc tại các cơ quan quản lý du lịch, khách sạn, công ty du lịch, văn phòng tour như nhân viên lễ tân, nhân viên nhà hàng, nhân viên lữ hành.  - Đảm nhận công việc tại các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, các công ty, tập đoàn mà tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ làm việc chính thức, hoặc có mối liên hệ thường xuyên với các quốc gia, vùng lãnh thổ sử dụng tiếng Trung Quốc.  - Đảm nhận công việc đối ngoại, hợp tác quốc tế tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội; nhân viên các phòng marketing, quan hệ công chúng tại các doanh nghiệp du lịch, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các công ty tổ chức sự kiện-hội nghị.  - Đảm nhận công việc hoặc vị trí tại các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm dạy nghề (sau khi đã học thêm một số môn về phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm) |  |  |  |  |

*Quảng Bình, ngày tháng 09 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG**